

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Liêu Thị T.** Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn V.** Địa chỉ: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/6/2025, nguyên đơn bà Liêu Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Liêu Thị T và ông Dương Văn V có tổ chức tiệc cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy kết hôn số 04/2017.

Trong thời gian đầu cuộc sống hôn nhân vô cùng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn hai vợ chồng không ai biết. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T và ông V quyết định trả tự do cho nhau và cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông V không có con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Nay bà Liêu Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Về hôn nhân: Bà Liêu Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn V

Về con chung: Bà Liêu Thị T và ông Dương Văn V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Về tài sản chung; Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Đối với bị đơn ông Dương Văn V: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Dương Văn V, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Dương Văn V vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Liêu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn V; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Liêu Thị T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Dương Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Thị T và ông Dương Văn V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2017 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Liêu Thị T và ông Dương Văn V là hợp pháp. Bà Liêu Thị T trình bày trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Dương Văn V phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cho nên bà Liêu Thị T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm

ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn ông Dương Văn V không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy, việc bà Liêu Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị T và giải quyết cho bà Liêu Thị T được ly hôn với ông Dương Văn V.

[2] Về con chung: Bà Liêu Thị T trình bày trong thời gian chung sống, bà Liêu Thị T và ông Dương Văn V không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Liêu Thị T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Liêu Thị T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Thị T được ly hôn với ông Dương Văn V.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Liêu Thị T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Liêu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu

tiền số 0005981 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ); Như vậy, bà Liêu Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn ông Dương Văn V không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam